

BIỂU TƯỢNG CHỢ PHIÊN, LỄ HỘI TRONG TIỂU THUYẾT DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC SAU 1986

Bé Thị Thu Huyền^{1*}, Hạp Thu Hà²

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long

²Khoa Văn hóa, Trường Đại học Hạ Long

* Email: thuhuyen.daihochalong@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/11/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 18/12/2021

Ngày chấp nhận đăng: 06/04/2022

TÓM TẮT

Sau 1986, văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung, tiểu thuyết dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nói riêng đã đạt được những thành tựu nổi bật, cho thấy sự nỗ lực đáng kể của đội ngũ nhà văn dân tộc thiểu số – vốn được xem là các “sứ giả văn hóa” của dân tộc mình. Một trong những thành công của các nhà văn có thể kể đến là việc họ kiến tạo một hệ thống biểu tượng văn hóa đặc sắc làm nên dấu ấn riêng không thể lẫn của dân tộc mình trong bức tranh đa sắc màu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi đi sâu khai thác và khám phá giá trị văn hóa của biểu tượng chợ phiên và lễ hội – hai trong số những biểu tượng văn hóa mang chiều sâu tư duy và chứa đựng những quan niệm nhân sinh tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

Từ khóa: biểu tượng, chợ phiên, dân tộc thiểu số, lễ hội, miền núi phía Bắc, tiểu thuyết.

THE SYMBOL OF FAIR AND FESTIVAL IN ETHNIC MINORITY NOVELS OF THE NORTHERN MOUNTAINS AFTER 1986

ABSTRACT

After 1986, the literature of Vietnam's ethnic minorities, in general, and the novels of ethnic minorities in the Northern Mountains, in particular, have achieved outstanding achievements, showing great efforts of the ethnic minority writers – who are considered "cultural ambassadors" of their group. One of the successes of the writers to be mentioned is that they created a system of unique cultural symbols that makes their own unmistakable signature of their group in the diversity of the community of different ethnic groups. In this article, we deeply explored and exploited the cultural value of fairs and festivals – two of the cultural symbols with depth of thought and typical conceptions of life of the ethnic minorities in the Northern Mountains.

Keywords: ethnic, fairs, festival, minorities, northern mountains, novel, symbol.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau năm 1986, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền văn học nước nhà, văn học các dân tộc thiểu số (DTTS) Việt Nam với tư

cách là một bộ phận cấu thành và không thể thiếu của nền văn học ấy, đã đạt được một bước tiến dài cả về số lượng và chất lượng, trong đó văn xuôi và cụ thể là thể loại tiểu thuyết đã có sự phát triển vượt bậc so với

giai đoạn trước. Miền núi phía Bắc (MNPB) – khu vực đặc sắc trong bản đồ các vùng văn hóa Việt Nam là khu vực có sự phát triển nổi bật hơn cả, với nhiều gương mặt các nhà văn thuộc nhiều DTTS khác nhau, có những đóng góp đáng kể ở thể loại tiểu thuyết: Vi Hồng, Triều Ân, Ma Trường Nguyên, Hoàng Luận, Cao Duy Sơn, v.v. (dân tộc Tày); Vương Trung, Cẩm Hùng, Thái Tâm (dân tộc Thái); Hà Trung Nghĩa (dân tộc Mường); Lù Dìn Siêng (dân tộc Giáy); v.v.. Tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB đã xây dựng hệ thống các biểu tượng như một trong những phương tiện biểu đạt văn hóa của các tộc người vô cùng đặc sắc và độc đáo.

Theo Từ điển Thuật ngữ Văn học Việt Nam: “Biểu tượng là một phương thức chuyển nghĩa của lời nói hoặc một loại hình nghệ thuật đặc biệt có khả năng truyền cảm lớn, vừa khái quát được bản chất một hiện tượng nào đấy, vừa thể hiện một quan niệm, một tư tưởng hay một triết lí sâu xa về con người và cuộc đời” (Lê Bá Hán và nnk., 2013). Trong công trình Mỹ học, Hê-ghe đã nhấn mạnh: “Các dân tộc đã kí thác vào sáng tác nghệ thuật những chiêm ngưỡng nội tâm và những biểu tượng của mình. Nghệ thuật thường là một cái chìa khóa, và ở một vài dân tộc, đó là cái chìa khóa duy nhất để tìm hiểu sự khôn ngoan, sáng suốt và tôn giáo của họ” (Hê-ghe (Phan Ngọc giới thiệu và dịch), 2005). Nghiên cứu thể giới biểu tượng trong tác phẩm văn học nói chung, tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB nói riêng, do đó, có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, có thể coi như công việc “mở khóa” để bước vào đời sống văn hóa, thế giới tinh thần cùng với những quan niệm nhân sinh vốn vô cùng độc đáo và khác biệt – cái góp phần không nhỏ làm nên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng người. Hai trong số những biểu tượng văn hóa hấp dẫn và thú vị trong tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB sau 1986 là biểu tượng chợ phiên và lễ hội.

Nếu như ngôi nhà, bếp lửa gắn với không gian sinh hoạt gia đình thì chợ phiên, lễ hội là những không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng độc đáo và đặc sắc của các DTTS MNPB. Có thể nói, chợ phiên, lễ hội không

chỉ là không gian thể hiện, lưu giữ và bảo tồn những giá trị văn hóa độc đáo của các tộc người vùng cao, đã trở thành những biểu tượng văn hóa đặc sắc đối với đời sống tinh thần của đồng bào.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để nghiên cứu, tìm hiểu các biểu tượng chợ phiên và lễ hội trong tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu: Phương pháp liên ngành văn hóa học, phương pháp thống kê – phân loại các biểu tượng văn hoá trong tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB sau 1986; Phương pháp hệ thống hoá thành từng nhóm biểu tượng; Phương pháp tiếp cận thi pháp học và vận dụng cách đọc liên văn bản, cách phân tích diễn ngôn nhằm chỉ ra những biểu hiện chiều sâu của văn hóa trong tác phẩm văn học, cắt nghĩa những biểu hiện văn hóa từ tâm thức của cộng đồng dân tộc.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Biểu tượng chợ phiên

Sống ở vùng núi cao, thiên nhiên khắc nghiệt, cuộc sống lao động vất vả và thì mỗi phiên chợ là niềm vui sống và hi vọng của con người. Phiên chợ là dịp để nam nữ thanh niên tìm kiếm một nửa của mình. Chợ phiên được trông chờ và mong mỏi như ước vọng của người H'mông: “Chết đi được nắm tay nhau trảy chợ thông dong”. Trước tiên, có thể khẳng định ở đâu cũng vậy, chợ là trung tâm kinh tế, nơi diễn ra các hoạt động trao đổi mua bán và phản ánh chân thực nhất đời sống của con người nơi ấy. Do đó, chợ phiên là biểu tượng cho đời sống vật chất của đồng bào miền núi mỗi địa phương, mỗi vùng đất. Nhìn vào bức tranh chợ phiên, có thể biết được mức độ đời sống kinh tế của đồng bào. Cao Duy Sơn miêu tả phiên chợ ở phố huyện Cô Sầu – giúp người đọc hình dung được chính xác đời sống tinh tế, nếp sinh hoạt đậm bạc mà hồn nhiên của người dân vùng núi phía Bắc của Tổ quốc. Đi chợ đa số đều là người nghèo nhưng không vì thế mà không vui, kém hấp dẫn... “Quần áo, mũ nón xanh biếc thom nức mùi chàm, chen nhau như sóng”... “Quà bánh chỉ là thứ xa xỉ, là nỗi

thèm thường để dành cho ý định tương lai... Đầu có lấm tiền để ngò vào hàng vịt quay hay thịt lợn xá xiu... Mang theo com nắm hay cháo bẹ để nguội đóng bánh, xia mấy xu lẻ chỉ mua thêm bát canh phở nổi vài cọng hành đã có một bữa “xèo lèo” ngon miệng... cái thứ mỡ cháy đen đỏ quả giống dầu luyn, tuy có hơi khét nhưng ẩn tượng. Rưới nó lên bát canh lập tức mặt nước sẽ nổi lên những chấm tròn óng vàng, đen hấp dẫn. Mùi và màu của nó gọi cho người ta tưởng tượng tới hương vị của đại tiệc, mình là thực khách sang trọng. Chỉ cần được lừa và tự lừa như thế, thứ đồ ăn tầm thường của dân bản đều trôi tốt vào trong bụng ngon lành” (Cao Duy Sơn, 2009). Bữa ăn đạm bạc của người dân bản khi đi chợ đủ thấy đời sống vật chất của họ còn vô cùng thiếu thốn, kham khổ, nhưng niềm vui và tinh thần lạc quan lại có thừa. Con người miền núi vốn dĩ vượt qua được những khó khăn thử thách trong cuộc sống khó nghèo, lam lũ nơi thiên nhiên khắc nghiệt chính nhờ tinh thần lạc quan và bản lĩnh tuyệt vời như thế.

Chợ Mường Hum của dân tộc Giáy được nhà văn Lù Dín Siêng miêu tả trong tiểu thuyết *Vua Phi* với những sản vật đặc trưng của vùng cao “mộc nhĩ, măng tươi, măng khô”, “lòng chim rừng”, “những kẹp cá sấy khô”, “mật ong”, “những quán phở”, “những chảo thắng cố”, v.v.. Nhìn vào những mặt hàng ở chợ, có thể thấy, cuộc sống của người dân vùng cao về cơ bản vẫn chủ yếu là tự cấp tự túc, bán những thứ đồ mình tự làm, tự kiếm được trong tự nhiên, chủ yếu là những sản vật từ rừng, từ suối. Đặc biệt, ẩn tượng về văn hóa ẩm thực ở vùng cao không thể không kể đến một món ăn đặc sắc đó là các nòi “thắng cố lẫn lợn thịt trâu thịt bò gồm cả thịt, da, xương, lòng sôi sình sịch” (Ma Trường Nguyên, 1993). Trong *Trăng yêu*, Ma Trường Nguyên đã miêu tả những cảnh tượng rất tình: việc đầu tiên của các chàng trai khi xuống chợ là vào ăn “thắng cố”, “uống rượu bát từng bát ngả nghiêng cả ngọn núi”, uống rượu là uống tình, say rượu là say tình nghiêng ngả: “Họ uống rượu là uống cả bóng hình chiếc ô xanh đỏ, lẫn những gương mặt tươi tắn của nụ cười thiếu nữ rạng rỡ chấp chới rơi xuống đáy bát vào lòng”, “say rượu là say người tình trong

bát rượu đang đầy lênh láng” (Ma Trường Nguyên, 1993). Chợ phiên của dân tộc Giáy được nhà văn Lù Dín Siêng miêu tả trong tiểu thuyết *Vua Phi* có sức hấp dẫn đặc biệt: “Một góc chợ từng đun khói bốc lên, mùi thịt lợn, thịt dê, thịt chó, thịt trâu, thịt ngựa, thịt bò trong những chiếc chảo gang cỡ đại bốc lên thơm phức. Những quán phở gà, phở lợn nào nhiệt người ăn, kẻ uống. Người già rủ người già, người trẻ rủ người trẻ, trẻ nam mời trẻ nữ kéo nhau đến nơi có những chiếc chảo gang to đùng bắc trên bếp lửa đang sôi sùng sục, thịt, xương, lòng, tim, gan của con vật được thái ra quăng vào chảo” (Lù Dín Siêng, 1994).

Chợ phiên, chợ tình là biểu tượng cho đời sống tâm hồn, tình cảm và quan niệm nhân sinh lành mạnh, giàu tính nhân văn của người dân miền núi. Người dân miền núi cuộc sống cách biệt, ít được tiếp xúc với mọi người, nhà thường ở xa nhau bởi sự ngăn cách của núi đồi, sông suối. Sống trong môi trường thiên nhiên khắc nghiệt, cuộc sống của họ quanh năm vất vả, đầu tắt, mặt tối, ngày này qua ngày khác lặp lại đơn điệu, nhàm chán. Chính nhịp điệu sống buồn tẻ hàng ngày khiến con người càng mong chờ những dịp đặc biệt được rũ bỏ những công việc thường nhật nhàm chán để đến với một không gian khác vui tươi, nhộn nhịp hơn. Mỗi phiên chợ trở thành niềm vui sống và hi vọng. Chợ phiên, chợ tình ở miền núi ra đời vì lẽ đó, đáp ứng nhu cầu được giao lưu, tiếp xúc, được nói chuyện, trao đổi, mua bán, và quan trọng hơn là cơ hội để con người ta tìm người quen thân, lấy câu chuyện làm quà: “Vẫn may còn có thứ để chờ đợi. Năm ngày một phiên chợ huyện cũng được một ngày vui. Một ngày miệng được nói nhiều hơn thường ngày... Người làng đi chợ chỉ là để đi chơi, tìm gặp bạn, là nơi thân tộc gặp gỡ thông tin chuyện hiếu, hi, lễ đầy tháng trẻ hay vào nhà mới” (Cao Duy Sơn, 2009). Chợ phiên trở thành không gian gắn kết tình cảm con người miền núi, rút bớt những khoảng cách do sự ngăn trở về địa lí, là nơi chốn để mọi người thăm hỏi, động viên, an ủi nhau. Với *Diệu (Đàn trời – Cao Duy Sơn)*, khi lòng đang buồn hiu hắt vì chuyện gia đình, tình cảm vợ chồng hờ hững, khi đến chợ phiên rằm tháng bảy chợt thấy lòng như

được xoa dịu, nỗi buồn vui đi, nhẹ nhõm. Ấn tượng được lưu giữ trong tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB về ngày chợ phiên thường là ấn tượng về sự đông vui, nhộn nhịp: “chân người dẫm lên chân người, chân ngựa dẫm lên chân ngựa, gùi chen gùi như dòng suối mùa lũ đổ vào một thung lũng bằng phẳng” (Ma Trường Nguyên, 1993). Mọi người hò hời đến chợ trong khung cảnh tươi vui mang đậm sắc màu văn hóa vùng cao: những chàng trai khỏe mạnh miệng ngâm khèn, những ngón tay bấm vào các lỗ nhỏ, người cúi, dáng điệu lom khom, chân cao chân thấp múa khèn với những giai điệu “êm ái, dịu dạt, tình tự”; những cô gái vây quanh sân múa, “những chiếc ô hoa giương lên lớp lớp tầng tầng, những chiếc nón sơn màu vàng lấp lóa dưới ánh nắng vàng rực rỡ tựa mặt ong” (Lù Dín Siêng, 1994).

Chợ phiên, chợ tình là biểu tượng của khát vọng tình yêu tự do, khát vọng hạnh phúc của đồng bào DTTS. Phiên chợ không có cảnh tranh mua tranh bán, không quá ồn ào, náo nhiệt, không có cảnh cãi vã vì ghen tuông hay thù hận. Mọi người đến phiên chợ như được cởi bỏ hết ân oán, bức dọc, muộn phiền, sầu não của đời thường. Những đôi lứa mang đến cho nhau lời thủ thỉ tâm tình, những yêu thương chất chứa vốn bị kìm tỏa bấy lâu. Vẻ đẹp nhân văn của chợ phiên, chợ tình, do đó như thấm đượm hơn chiều sâu văn hóa của con người vùng cao. Chợ không chỉ là nơi trao đổi hàng hóa mà còn là nơi giao lưu văn hóa. Chợ phiên cho thấy tâm hồn thuần phác hồn nhiên song cũng hết sức tinh tế của đồng bào. Ngày chợ còn là dịp để người ta gặp gỡ, trao đổi, giao lưu với nhau, bàn bạc công việc, đi chơi, để gặp bạn, uống rượu... Vì thế, người ta thường gặp câu nói quen thuộc của đồng bào mỗi khi đi chợ “pây liu háng” (đi chơi chợ). Tiểu thuyết *Mùa hoa hải đường* (Ma Trường Nguyên) có nhắc tới câu ca quen thuộc của cả vùng: “Chợ Háng một tháng sáu phiên/ Anh vẫn đi liền mà chẳng thấy em” (Ma Trường Nguyên, 1998). Đặc biệt, trong năm còn có một phiên chợ dành riêng cho con trai, con gái đi tìm một nửa của mình: Chợ Slao báo (Háng Toán), slao là con gái, báo là con trai, chợ phiên dành cho trai gái chưa lập

gia đình, họp vào mùa xuân, là lúc nông nhàn, thanh niên trong bản đến chợ chơi xuân và để làm quen, kết bạn “Chợ Slao báo như hôm nay chỉ rất lũ thanh niên trai gái lũ lượt đổ về nghẽn cả lối đi”, “rượu đổ tràn như suối, tiếng lay cò, tiếng cười nói... ào ào như vỡ tổ” (Cao Duy Sơn, 1999). Nhờ những sự kiện ấy mà những mối tình xưa được sống dậy, dù chỉ trong khoảnh khắc. Sau bao mòn mỏi đợi chờ, chợ phiên là dịp đền bù cho những nỗi nhớ thương, những niềm khát khao dằng dặc. Chợ chỉ diễn ra mỗi năm một lần nên càng đặc biệt. Chợ phiên, do đó, ngoài ý nghĩa thời gian và không gian nó còn là hình tượng nghệ thuật gợi nỗi nhớ nhưng da diết của đôi trẻ, họ thường hẹn hò ở chợ phiên, cứ ngày phiên chợ là nhớ về nhau.

Chợ phiên, chợ tình còn là nơi lưu giữ những kí ức đẹp đẽ trong lòng mỗi người dân miền núi. Phiên chợ Quảng Trù là nơi lưu giữ những kí ức tuổi thơ, những kỉ niệm thân thương về mẹ của lão Lâm (*Dòng đời – Hữu Tiến*). Ở cái tuổi đã thấm thía cái già đang đến thật gần, lão Lâm cũng đã nếm trải bao gian truân, cay đắng của dòng đời nghiệt ngã, niềm vui thì ít, nỗi buồn lại nhiều, lão Lâm vẫn nhớ như in những kỉ niệm về chợ phiên, về mẹ. Đó là những kí ức tuổi thơ tưởng như đã chìm vào quên lãng bỗng chốc vụt hiện về vẹn nguyên, trong trẻo, tinh khôi. Lão Lâm bước vào chợ không chủ đích, chỉ là đi qua thấy chợ họp ngày phiên thì vào chợ như một thói quen. Song, khi bước vào không gian thân thuộc ấy, lão Lâm bỗng thấy còn cào và tự nhiên thèm được ăn một cái bánh tẻ – chẳng phải là món cao sang gì, chỉ là thức quà đơn sơ của con nhà nghèo thuở ấy. Chiếc bánh tẻ “vừa dẻo vừa thơm” được làm từ “bột sáy mạy” nhưng gói trọn những yêu thương của thuở thiếu thời. Hình ảnh người mẹ hiện về đây ấm áp trong tâm trí của lão Lâm. Đó là người mẹ miền ngược tảo tần, lặn lội với cuộc sống khó nghèo, lam lũ song tình yêu thương người mẹ ấy dành cho con với kí ức về những chiếc bánh tẻ thơm lừng thì ấm nóng đến tận bây giờ. Kí ức vụt hiện về như một bức tranh sống động, thân thương, chỉ một khoảnh khắc ngắn ngủi cũng đủ an ủi phần nào một con người đang bị “dòng đời”

làm cho xiêu vẹo, ngã nghiêng, đang cần lắm một điểm tựa để bầu vú và nương náu. Chợ phiên trong kí ức của cậu bé Tuệ ngày xưa, nay đã trở thành ông giám đốc tòa soạn báo (*Đàn trời – Cao Duy Sơn*) vẫn vẹn nguyên như thuở nào, Tuệ vẫn nhớ như in những ngày “bám gấu váy mẹ” len qua các hàng quán với bao thêm thưởng, thích thú, dư vị của những viên kẹo bột mẹ mua cho ngày ấy vẫn ngọt đến tận bây giờ. Mây Lìn (*Hoa mạn đở – Cao Duy Sơn*) đi chợ Pác Gà, đi qua “dãy hàng quà bánh, nghe xèo xèo tiếng mỡ sôi trong chảo, mùi bánh rán thơm ngậy, với những khuôn bánh cuốn tóa ra nghi ngút”, Mây Lìn chợt cảm thấy thân thương, vui lạ bởi nó có cái gì đó “thật giống quê mình” (Cao Duy Sơn, 1999). Chợ xuân Rục Rã mãi mãi trở thành kí ức của Lềnh (*Rễ người dài – Ma Trường Nguyên*) bởi tuổi trẻ và tình yêu vụt mất khỏi tầm tay. Cậu bé San (*Chòm ba nhà*) lưu giữ những kí ức về ngày chợ hội rục rờ, tung bừng khiến cậu bé cảm thấy như bị mê hoặc với hình ảnh của đoàn người rục rờ áo quần bước vào chợ hội, với những thanh âm của đủ mọi nhạc cụ, của những điệu hát dân ca quen thuộc của các dân tộc vùng cao. Chợ phiên là nơi diễn ra không chỉ các hoạt động kinh tế mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa đặc sắc, là nơi giao lưu văn hóa giữa các DTTS ở khu vực miền núi. Mỗi dân tộc đều mang đến những màu sắc riêng của trang phục, những âm thanh độc đáo của nhạc cụ làm nên một bản hòa tấu đặc sắc mang nét riêng của khu vực MNPB – khu vực tập trung đông nhất các DTTS của Việt Nam.

Chợ phiên còn là không gian để con người miền núi thể hiện nét đẹp văn hóa trong ứng xử và lối sống của cộng đồng mình. Chợ phiên vùng cao là nơi chứng kiến tình nghĩa khăng khít, mặn nồng giữa những cặp vợ chồng người H'mông cùng nhau xuống chợ, cảnh những người vợ ngồi cạnh giương ô che cho chồng, cảnh chồng khật khưỡng trên mình ngựa, vợ túm đuôi ngựa leo theo trên đường dốc (*Vua Phi – Lù Dín Siêng*). Chợ phiên là dịp để các chàng trai, cô gái thể hiện mình một cách hồn nhiên, chân thật nhất mà không bị ai cảm đoán, ngăn trở. Họ có thể cùng “ngồi chung ngựa” mà không ngại

người già, cha mẹ hay họ hàng. Đi chợ, chơi hội có bạn cùng đi là “niềm tự hào” cho người con trai, con gái ấy. Ngày chợ phiên, Hai Đăng (*Trăng yêu – Ma Trường Nguyên*) được người yêu là Gấm mời lên ngựa, cô cảm nhận được sự trân trọng, nâng niu và tình cảm chân thành từ chàng trai miền núi, cảm nhận được người con trai miền núi đã trao cương cho người con gái là họ trao cả cuộc đời cho mình được điều khiển. Người con gái phải lên yên phi ngựa để người con trai ngồi sau. Đến đoạn xuống dốc, người con trai nhảy xuống kéo đuôi ngựa ra đằng sau cho ngựa khỏi lao xuống vực. Hết chặng dốc, người con trai mới lên yên đi cùng. Nếu lên dốc người đàn ông lại xuống cầm dây cương dắt ngựa lên để người con gái ngồi. Đây là sự trân trọng của người con trai với người con gái mà họ đang yêu. Đến với chợ phiên, những tình cảm cá nhân như sự ghen tuông, ích kỉ đều được cởi bỏ, nhường chỗ cho những phong tục đẹp gắn với những quan niệm nhân sinh tiến bộ, cởi mở của cộng đồng: “Không những trai tơ, gái tân được kết bạn lượn, bạn hội, bạn chợ mà kể cả những người đã có vợ có chồng hẳn hoi cũng chẳng sao. Rất nhiều đứ ông chồng bé con cho vợ đi hát lượn kết bạn trai tiến về tận nhà. Người chồng cũng coi là điều vinh dự, cho rằng vợ mình vẫn đẹp vẫn duyên. Có chồng có con mà còn trai mê là niềm kiêu hãnh cho người được làm chồng những người đàn bà ấy” (Ma Trường Nguyên, 1993).

Người miền núi vẫn bảo nhau: “Đi chợ mất ngày, đi cày mất buổi” (Ma Trường Nguyên, 1991), họ thường dành cả một ngày dài để đi chợ. Chợ xa nhưng lòng vui thì xa mấy cũng thành gần. Buổi chiều mặt trời sắp xuống núi mà ở những hẻm núi, trên những thung sâu con người vẫn còn quyến luyến với những “hội lượn đương nông”. Tiếng lượn làm lòng người trẻ vui phơi phới, tiếng lượn làm lòng người già như trẻ lại: “Tiếng lượn của tuổi nụ tuổi hoa non trẻ và tíu tít, tươi rói và mới mẻ như mùa xuân, trải dài suốt các con đường mòn” (Vi Hồng, 1993). Trong các tiểu thuyết của Vi Hồng, Ma Trường Nguyên, những hội lượn cuối mỗi buổi chiều ngày phiên chợ mới thực sự là điều mà những chàng trai, cô gái miền rừng ngóng trông,

mong đợi. Kéo Thả Cản (Đèo Đợi Nhau) trong *Phụ tình* (Vi Hồng) cũng là nơi hò hẹn của mọi người sau phiên chợ Năm Cáp, những vách đá sừng sững ở kéo Thả Cản lại được tắm gội bằng những âm thanh sli, lượn. Phiên chợ nào cũng vậy, bao nhiêu người đợi thật đông ở kéo Thả Cản để ngắm đợi chàng trai Thê Ru và nàng gái trẻ Va Đáo, trao gửi tiếng lượn giữa kéo Thả Cản. Nghe tiếng lượn của hai người, “người già cảm thấy mình trẻ lại”, người trẻ thì thấy “yêu nhau hơn gấp bội”, cả đá núi cũng “mềm ra” (Vi Hồng, 1994a). Đèo Kéo Đợi – “đèo yêu” (*Trăng yêu – Ma Trường Nguyên*) là nơi gặp gỡ giao duyên của tuổi trẻ từ bao đời, là nơi để những trai trẻ, gái tơ “tìm bạn lượn”, “kết bạn tình”, “lời lượn sắp hết lại không hết, người muốn chia tay lại không muốn về” dù “mặt trời đã gác núi, mưa xuân bắt đầu lất phất bay đậm hạt lóng lánh”, để rồi bước chân đi mà lòng cứ vẩn vương, lưu luyến không rời “câu lượn bay đi, câu lượn bay về đậu óng ánh trong ánh mắt bạn xuân”.

Chợ phiên là một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc miền núi, trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của con người. Người miền núi quan niệm sống thế nào, chết thế ấy, chết không phải là kết thúc mà là bắt đầu một hành trình mới. Vì vậy, bên cạnh phiên chợ cho người sống, người Tày còn tổ chức họp chợ cho người chết: “Chợ Tam Quang” (Vi Hồng, 1994b) cho thấy vai trò, ý nghĩa quan trọng của chợ phiên trong đời sống văn hóa và trong tâm thức của cộng đồng.

3.2. Biểu tượng lễ hội

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng có quy mô lớn, mang đậm bản sắc văn hóa tinh thần của tộc người được lưu giữ và phát huy theo thời gian, năm tháng. Thông qua sinh hoạt lễ hội, những đặc trưng văn hóa riêng biệt của từng tộc người được bộc lộ rõ nét và có một sức lôi cuốn đặc biệt. Hội Gầu tào của người H'mông, hội Lồng tồng, hội Nàng Hai, hội côm của người Tày, hội hoa ban của đồng bào Thái, hội Roóng póc của đồng bào Giáy... hiện lên sinh động và hấp dẫn trong những trang văn của các tác giả DTTS MNPB. Lễ hội ở miền núi trước hết là

không gian sinh hoạt văn hóa đặc sắc vào bậc nhất của người dân nơi đây. Đến với lễ hội, người ta sẽ được ngắm nhìn và chiêm ngưỡng tất cả những nét văn hóa độc đáo của một vùng đất. Nói cách khác, lễ hội là gương mặt văn hóa tương đối hoàn chỉnh và đầy đủ của miền đất ấy. Những hoạt động văn hóa trong lễ hội thường gắn liền với những tín ngưỡng dân gian đặc sắc của cả một vùng rộng lớn. Vì vậy, lễ hội trước hết là nơi thực hành những nghi lễ dân gian, thể hiện một cách tập trung những quan niệm tâm linh của người dân miền núi. Chẳng hạn, lễ hội Lồng tồng (lễ hội xuống đồng) của người Tày (*Ái tình và kẻ hành khất*): Hội Lồng tồng có nghĩa là hội xuống đồng được tổ chức vào tháng Giêng hai, từng mường hay từng vùng chọn cánh đồng tương đối bằng phẳng, rộng rãi trong đó có một đám ruộng thật to, to nhất mường. Người ta sẽ họp hội, mở ra các trò chơi của ngày hội xuân trên đám ruộng to đó. Ngày hội Lồng tồng là ngày hội cả mường háo hức. Hội Lồng tồng (hội xuống đồng) gắn với nghi lễ thờ cúng các vị thần linh mong muốn các vị thần linh che chở, phù hộ cho con người trong công việc đồng áng, gặp nhiều may mắn, thuận lợi, mùa màng bội thu. Người Tày còn có lễ hội Nàng Trăng (hội Nàng Hai) với các nghi lễ cúng tế nàng Trăng cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống của con người no ấm, yên vui. Ma Trường Nguyên đã dành nhiều tâm sức tái hiện không gian lễ hội Nàng Trăng vô cùng đặc sắc và độc đáo trong tiểu thuyết *Trăng yêu*. Hội Roóng póc của dân tộc Giáy (*Dưới chân núi Tiên – Lù Dín Siêng*) và hội Gầu tào ở Tú Lệ của dân tộc H'mông (*Gió Mùa Cứng – Hà Lâm Kỳ*) cũng có cùng ý nghĩa cầu mong các vị thần linh che chở, bảo vệ và phù hộ cho con người gặp nhiều may mắn trong lao động sản xuất để có cuộc sống bình yên.

Lễ hội là nơi hội tụ và lan tỏa những niềm vui, là ngày vui đặc biệt trong năm luôn được đồng bào mong đợi. Vào ngày hội, người ta có thể gác lại mọi việc, cởi bỏ những nỗi lo toan của cuộc sống đời thường, chọn cho mình bộ áo quần đẹp nhất, hòa vào dòng người náo nức, hồ hởi về với hội. Ở miền xuôi người ta thường ví “Vui như Tết”, còn ở miền núi mọi người lại bảo “Vui như hội” là có lý

do của nó. “Sương lam chiều bảng lảng, mờ màng vẫn còn đang lửng lơ lưng trời. Người vẫn đang dự hội, đang say cái hương cái mật của những phút chót một ngày hội xuân” (Vi Hồng, 1993). Lễ hội Roóng póc của dân tộc Giáy ở Mường Vi (*Dưới chân núi Tiên – Lù Dín Siêng*) là ngày vui chung của cả cộng đồng với tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng thanh la nổi lên rộn rã, làm cho thung lũng náo nhiệt hẳn lên, ai cũng mặc quần áo mới nhất, đội khăn đẹp nhất, đi đôi giày mới khâu đến dự ngày hội Roóng póc của Mường Vi”.

Lễ hội là dịp đặc biệt để những chàng trai, cô gái miền núi tìm bạn tình, bạn đời, đồng thời lễ hội biểu tượng cho những quan niệm sống, những tư tưởng tiến bộ của con người miền núi: là dịp để trai gái tìm bạn tình qua câu hát giao duyên: Hội Lòong tông của người Tày bao giờ cũng có những “đám lượn” của trai trẻ gái tơ. Hội côm của người Tày là mùa vui của trai gái góp chày giã côm nhưng đồng thời là một cách nhắc nhở về kí ức khó nghèo thưở trước để biết trân quý những thành quả lao động của con người, để biết trân trọng đời sống hiện tại cũng như cùng nhau nỗ lực, cố gắng hơn nữa để vun đắp cho một cuộc sống đủ đầy, no ấm, một tương lai tốt đẹp. Trò “tọt còn” của dân tộc Tày trong hội Lòong tông (*Ái tình và kẻ hành khất – Vi Hồng*) có ý nghĩa như là sự trao và nhận tình yêu của con người, cái “vòng còn” đặc biệt còn thể hiện những quan niệm riêng của người Tày về cuộc sống: “Người già bảo điểm hồng tâm tượng trưng cho mặt trời. Vòng thứ hai tượng trưng cho nước và những màu xanh nhờ có nước. Vòng cuối cùng màu trắng tượng trưng cho sự trong sáng, thanh cao” (Vi Hồng, 1993). Luật tung còn của người Tày thể hiện quan niệm tiến bộ trong tình yêu và hôn nhân: tình yêu là sự chủ động từ hai phía, không khiên cưỡng, không ép buộc, chỉ khi nào cả hai cùng tung và nhận còn của nhau thì coi như đã có câu trả lời, nếu một trong hai người chỉ tung mà không nhận hoặc nhận mà không tung trở lại cho người đó thì cuộc chơi chưa có hồi kết. Những buổi “tọt còn” trở thành những cuộc chơi thú vị và bất ngờ chính là bởi điều đó. Lễ hội hoa ban là một lễ hội đặc biệt của đồng bào Thái được nhà văn Vương Trung tái hiện trong tiểu

thuyết *Mối tình mừng Sinh* – thể hiện quan niệm nhân sinh mới mẻ, hiện đại, đậm tính nhân văn. Đó là cơ hội để những mối tình xa xưa trong kí ức được trở về với cuộc sống hiện tại. Sống lại dù chỉ một ngày với những khát vọng của tình yêu và tuổi trẻ – như một sự bù đắp cho những mối tình của trai gái miền núi thường bị ngăn trở bởi khoảng cách địa lí, bởi định kiến hay những hủ tục hôn nhân lạc hậu.

Lễ hội là biểu tượng cho những kí ức đẹp đẽ của một thời tuổi trẻ, luôn hiện về trong trẻ, vẹn nguyên trong trái tim con người. Mỗi khi nghĩ tới hoặc nhớ về những kỉ niệm của một thời tuổi trẻ, con người ta thấy yêu hơn những khoảnh khắc của hiện tại dù tất cả chỉ còn là những kí ức xa xăm. Ông lão Pính (*Rễ người dài – Ma Trường Nguyên*) với mối tình tha thiết thời tuổi trẻ: “Thình thoảng lão lại nắm cổ tay bà Hay một cái để nhớ lại ngày xưa đã từng nắm cổ tay bà như đi chơi hội xuân, đi hát lượn” (Ma Trường Nguyên, 1996). Lễ hội là dịp để những chàng trai nghèo tìm đến với những mối tình thoáng chốc, mối tình vụt qua rồi tan biến như một giấc mơ và mãi mãi chỉ còn lại trong lòng người những tiếc nhớ, hụt hẫng bởi thực tại cay đắng, trớ trêu. Nhân vật Dương trong *Dặm ngàn rong ruổi* (Triều Ân) tham gia vào hội hát đúm giao duyên tìm bạn tình để rồi giây phút chia tay, anh trở về với thực tại như người từ cõi tiên rơi bịch xuống mặt đất trước câu nói đầy ái ngại của người yêu: “Anh chỉ sống độc thân không có cha mẹ thì anh lấy đâu tiền bạc để sắm lễ vật đến bên nhà em? Mà không có lễ vật, không có cưới xin gì cả, thân con gái rẻ như bèo” (Triều Ân, 2006).

Viết về lễ hội với phần lớn các nhà văn DTTS là phục dựng lại không gian văn hóa đầy màu sắc với những đặc trưng riêng biệt, độc đáo của dân tộc mình. Lễ hội thực sự sẽ là những bức tranh văn hóa rực rỡ, tươi vui đáng để tự hào. Tuy nhiên không phải lúc nào lễ hội của miền núi cũng nguyên sơ, đẹp đẽ như bản chất vốn có của nó. Nhà văn Lù Dín Siêng (dân tộc Giáy) không khỏi day dứt, xót xa khi chứng kiến hội xòe của vùng cao trước sự xâm thực của văn hóa ngoại lai. “Đám hội xòe mà như đám đánh vật” (Lù Dín Siêng,

1987), bọn lính thì nhẽ nhại mô hôi xô đẩy đám đông chen lấn, văng tục, dùng roi vọt quát tháo; thanh âm thì hồ lớn với “tiếng kèn tây, kèn đồng, tiếng sáo trúc, kèn lá, tiếng nhạc ngựa, tiếng nhị, tiếng chiêng âm ỹ” (Lù Dín Siêng, 1987), các cô gái dân tộc trong đám hội thì trở nên lố lãng, kệch cỡm “đội xòe mặc quần áo đồng màu, vải xa tanh xanh da trời dưới ánh đèn măng-xông càng nổi lên óng ánh, xung quanh cô áo, tay áo viền sa tanh trắng, cô nào cô ấy bôi son má phấn, tóc chải mờ Tây bóng mượt, trên đầu cài bông hoa xanh đỏ tím óng ánh kim tuyến” (Lù Dín Siêng, 1987). Nhìn cảnh tượng hội xòe như vậy, sự xót xa, trần trở của Lù Dín Siêng đã chạm tới ý thức về lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Qua đó, nhà văn như muốn truyền đi một thông điệp: giữ gìn sự nguyên sơ, trong sáng và vẻ đẹp văn hóa thuần phác trong lễ hội của đồng bào DTTS miền núi trước sự xâm thực của văn hóa ngoại lai hay sự áp chế từ nền văn minh hiện đại là một việc làm vô cùng quan trọng và cấp thiết nhằm bảo tồn những giá trị văn hóa cổ truyền – cái làm nên hồn cốt của văn hóa mỗi tộc người.

Cùng với biểu tượng chợ phiên, biểu tượng lễ hội đã trở thành một biểu tượng văn hoá đặc sắc của đồng bào vùng cao. Lễ hội mang đến cho con người miền núi những khát khao, ước vọng về một cuộc sống tươi vui, nhộn nhịp, tràn ngập sắc màu văn hoá, khác hẳn với nhịp sống hằng ngày nơi núi rừng vốn chậm rãi, vắng vẻ. Những không gian cộng đồng đông vui, tấp nập, tươi tắn ấy góp phần mang đến những niềm hi vọng và vui sống cho đồng bào miền núi, đồng thời cũng là không gian thể hiện những nét riêng độc đáo trong đời sống văn hoá của cộng đồng các dân tộc vùng cao.

4. KẾT LUẬN

Trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào DTTS, hầu hết các chi tiết đời sống đều mang trong nó một ý nghĩa văn hóa nào đó, bởi vậy, có những hình tượng gắn bó đến thành thân thuộc với con người trong cuộc sống hàng ngày đã trở thành những biểu tượng văn hóa có ý nghĩa to lớn, gắn với tâm thức và quan niệm văn hóa, quan niệm nhân

sinh của cả cộng đồng người. Chợ phiên và lễ hội đã trở thành những biểu tượng văn hóa độc đáo trong đời sống của đồng bào và ghi những dấu ấn đậm nét trong tiêu thuyết của nhiều nhà văn DTTS MNPB sau năm 1986. Khai thác giá trị văn hóa của biểu tượng chợ phiên, lễ hội giúp người nghiên cứu hiểu sâu sắc hơn đời sống văn hóa tinh thần mang bản sắc riêng biệt cũng như những quan niệm nhân sinh độc đáo của mỗi tộc người thiểu số khu vực MNPB – khu vực văn hóa nhiều màu sắc trong bản đồ văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao Duy Sơn. (1999). *Hoa mạn đở*. Hà Nội: Nxb Quân đội nhân dân.
- Cao Duy Sơn. (2009). *Chòm ba nhà*. Hà Nội: Nxb Lao động.
- Hê-ghe (Phan Ngọc giới thiệu và dịch). (2005). *Mỹ học*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, & Nguyễn Khắc Phi. (2013). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Lù Dín Siêng. (1987). *Dưới chân núi Tiên*. Hà Nội: Nxb Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam.
- Lù Dín Siêng. (1994). *Vua Phi*. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.
- Ma Trường Nguyên. (1991). *Mùi tên ám khói*. Hà Nội: Nxb Văn hoá dân tộc.
- Ma Trường Nguyên. (1993). *Trăng yêu*. Thái Nguyên: Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Thái.
- Ma Trường Nguyên. (1996). *Rễ người dài*. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.
- Ma Trường Nguyên. (1998). *Mùa hoa hải đường*. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.
- Triều Ân. (2006). *Tuyển tập thơ văn Triều Ân*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Vi Hồng. (1993). *Ái tình và kẻ hành khất*. Thái Nguyên: Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Thái.
- Vi Hồng. (1994a). *Phụ tình*. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.
- Vi Hồng. (1994b). *Chồng thật vợ giả*. Hà Nội: Nxb Thanh niên.